

Bản án số: 659/2025/HS-PT
Ngày: 29/10/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Các Thẩm phán: 1/ Ông Trương Công Huân

2/ Ông Hoàng Bích sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 512/2025/TLPT-HS ngày 01/10/2025 đối với các bị cáo Phạm Hùng M, Hà Văn Q, Nguyễn Trúc H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Hùng M, sinh ngày 01/02/1989; nơi sinh: tỉnh N; nơi thường trú: Xóm T, xã Đ, huyện Tân K, tỉnh N (nay là Xóm T, xã Tiên Đ, tỉnh N); Nơi ở: Căn hộ 03, tầng 3, Tòa S, khu dân sự và công viên P, khu phố 22, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Căn hộ 03, tầng 3, Tòa S, khu dân sự và công viên P, khu phố 22, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Quang T và bà Hồ Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/9/2024 đến nay (Có mặt).

2. Hà Văn Q, sinh ngày 22/6/1996; nơi sinh: tỉnh N; nơi thường trú: Xóm T, xã Đ, huyện Tân K, tỉnh N (nay là Xóm T, xã Tiên Đ, tỉnh N); Nơi ở hiện tại: Nhà trọ B, số 12 đường Hai bà T, KP Đông T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hà Văn L và bà Đặng Thị H; bị cáo có vợ, có 01 con sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/9/2024 đến ngày 29/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi

cư trú (Có mặt).

3. Nguyễn Trúc H, sinh ngày 16/9/1999; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Số 22 Nguyễn Thị N, khu phố 2, phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 22 Nguyễn Thị N, khu phố 2, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi ở hiện tại: 15 đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 15 đường H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Tiến T1 và bà Phạm Kim P; bị cáo chưa có chồng, có 01 con sinh ngày 04/9/2024; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Trần Thái T1, Công ty Luật TNHH MTV Trần T, Đoàn Luật sư tỉnh ĐN bào chữa cho các bị cáo Phạm Hùng M và Hà Văn Q (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hùng M và Hà Văn Q là bạn bè cùng quê với nhau hiện đang sinh sống trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Do không có việc làm ổn định và muốn kiếm thêm thu nhập nên M lên mạng xã hội Telagram tìm việc làm thì được tài khoản có tên là Hoàng A kết bạn và giới thiệu cho việc làm là sản xuất giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức để bán cho người có nhu cầu mua thì M đồng ý và nói cho Q biết tham gia cùng thì Q cũng đồng ý. Hoàng A nói với M qua toà nhà S5 khu dân cư và công viên P, khu phố 22, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh gặp người đàn ông (chưa rõ nhân thân) nhận một bộ máy tính, hai máy in màu, một máy ép Platis, một máy phô tô, 01 bàn cắt giấy, nhiều tem phản quang có nội dung “Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam”, 01 con dấu Văn phòng công chứng L, 01 con dấu Văn phòng Công chứng quận A. M cùng Q lấy các máy móc nói trên đem về Căn hộ 03, tầng 3, Tòa S, khu dân sự và công viên P, khu phố 22, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. M và Q tự mua trên mạng Internet mực in, giấy A4, phôi bằng cấp, bìa hồ sơ màu cam, túi nylon màu xám và băng keo màu vàng. Sau đó thì Hoàng A cung cấp các file giấy tờ giả qua Telergam cho M có đầy đủ thông tin khách hàng, chữ ký và mộc dấu. M chỉnh sửa các thông tin cuối cùng để in ra giấy tờ giả còn Q thì phụ ép nhựa, cắt dán tem, đóng phong bì. Sản phẩm được đóng gói xong thì theo chỉ dẫn của Hoàng A thì M và Q thuê shipper giao cho người phụ nữ tên “Nguyễn M1” có địa chỉ tại đường số T, khu phố M, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi giấy tờ làm giả thì M và Q được Hoàng A trả công số tiền 170.000 đồng. Ngoài giao cho shipper thì khoảng đầu tháng 8/2024, M và Q còn thuê Hà Văn H2 là người cùng quê, quen biết từ trước giao giấy tờ giả đến cho Nguyễn M1, mỗi chuyến giao thành công thì M và Q trả công cho H2 200.000 đồng, tổng cộng H2 đã giao thành công 5 lần thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 đồng. M còn nhờ H2 đi nhận gói tem

phản quang bên trong có 4500 cái dùng để dán vào giấy tờ giả, chưa giao lại cho M đã bị Cơ quan điều tra khám xét thu giữ. Khi bắt giữ M và Q, tiến hành khám xét khẩn cấp thu giữ nhiều máy móc phục vụ cho việc sản xuất giấy tờ giả và 02 con dấu giả. Từ khi tham gia sản xuất giấy tờ giả đến khi bị phát hiện, M thu lợi bất chính 40.000.000 đồng; Q thu lợi bất chính số tiền 30.000.000 đồng. Đối tượng Nguyễn M1 sau khi nhận giấy tờ giả thành phẩm từ M và Q đã liên lạc với Nguyễn Minh Th và Nguyễn Trúc H (quen biết từ trước, sống với nhau như vợ chồng) thuê giao giấy tờ giả để được trả công thì Th và H đồng ý. M1 hướng dẫn Th và H đến trước khu công nghiệp chế xuất LT 2, phường LT, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh để gặp shipper nhận giấy tờ giả rồi kết bạn Telegram tên “TN”, “MP”, “HN” để nhận địa chỉ giao giấy tờ giả theo yêu cầu. Mỗi ngày Th và H giao được từ 5 đến 7 đơn hàng, tiền công nhận lại là 1.250.000 đến 1.750.000 đồng. Ngày 01/9/2024, Th chở H đang đi giao giấy tờ giả thì bị bắt giữ trước địa chỉ 76 đường số 5, khu phố 3, phường LT, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ được 03 giấy tờ là bằng cấp giả. Đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Th tiếp tục thu giữ được 11 giấy tờ giả các loại. Ngoài việc Th và H tự đi giao giấy tờ giả thì H còn thuê ông Trần T3 đi giao giấy tờ giả cho H để được hưởng tiền công trên số lượng giấy tờ giả giao thành công cho người mua. Tuy nhiên khi giao giấy cho ông T3, H yêu cầu không được kiểm tra hàng hoá bên trong và không nói rõ cho ông T3 biết bên trong là giấy tờ giả. Số tiền thu lợi bất chính của H là 6.000.000 đồng, Th thu lợi bất chính số tiền 9.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn H3 thì khoảng cuối tháng 7/2024 do không có việc làm ổn định nên thông qua giới thiệu của Nguyễn Hoàng Tường V thì H3 kết nối với các nhóm giao giấy tờ giả trên mạng xã hội Telegram để nhận giấy tờ giả giao cho khách để hưởng tiền công, trong nhóm này có nhóm của đối tượng Nguyễn M1 là “MP”. Vào lúc 23 giờ ngày 01/9/2024, Cơ quan điều tra bắt giữ được Nguyễn Văn H3 trước QNT địa chỉ đường số 11 phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh khi đã giao trót lọt giấy tờ giả cho khách hàng. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H3 thu giữ 10 giấy tờ giả các loại. Tất cả các giấy tờ này được M và Q xác định do M và Q sản xuất ra. H3 được thuê vận chuyển giấy tờ giả trả lương theo tháng với số tiền 6.000.000 đồng. Thời điểm phát hiện bắt giữ H3 do chưa đủ tháng làm việc nên H3 chưa nhận được tiền thu lợi bất chính.

Kết luận giám định số 10445/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“- Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh mang tên Quách Trần T, đề ngày 20/09/2020 (ký hiệu A1),

- Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Công nghệ thực phẩm mang tên Nguyễn Thị T, đề ngày 25/10/2017 (ký hiệu A2).

- Bằng cử nhân Quản trị kinh doanh mang tên Lê Văn P, đề ngày 19/03/2020 (ký hiệu A3).

- Bằng cử nhân Quản trị kinh doanh mang tên Đào Xuân H, đề ngày 15/09/2023 (ký hiệu A4).

- Bằng cử nhân Quản trị kinh doanh mang tên Nguyễn Đình Tuyết N, đề ngày 25/04/2024 (ký hiệu A5).

- Bằng cử nhân Kế toán mang tên Mai Tiến T, đề ngày 30/11/2017 (ký hiệu A6).

- Bằng Kỹ sư công nghệ chế tạo máy mang tên Nguyễn Hoàng M, đề ngày 05/08/2014 (ký hiệu A7).

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng cơ khí ô tô mang tên Đặng Thành Đ, đề ngày 21/09/2013 (ký hiệu A8).

- Bằng cử nhân Quản trị kinh doanh mang tên Nguyễn Thị Bích U, đề ngày 14/09/2015 (ký hiệu A9).

- Bằng cử nhân Kế toán mang tên Võ Minh H, đề ngày 28/11/2018 (ký hiệu A10).

- Bằng Kỹ sư công nghệ kỹ thuật ô tô mang tên Nguyễn Lê T, đề ngày 16/6/2024 (ký hiệu A11).

- Bằng cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng mang tên Nguyễn Văn T, đề ngày 25/05/2024 (ký hiệu A12).

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00080102 mang tên Cử Hoàng B, đề ngày 15/7/2024 (ký hiệu A13).

Tất cả giấy tờ trên là giả được làm giả bằng phương pháp in phun màu, chữ ký được giả trực tiếp.”

Kết luận giám định số 14581/KL-KTHS ngày 01/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“- 01 (một) “BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC” số hiệu 1659982, cho Lê Châu Hải M, đề ngày 29/12/2016 (ký hiệu A1).

- 01 (một) “CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ” số hiệu 0011041, họ tên Trần Bá H, đề ngày 26/6/2015 (ký hiệu A2).

- 01 (một) “BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC” số hiệu 065318, cho Nguyễn Trường T, đề ngày 30/10/2014 (ký hiệu A3).

- 01 (một) “CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP CẤP DƯỠNG” số hiệu 416284, cho Cao Thị Thanh T, đề ngày 28/11/2023 (ký hiệu A4).

- 01 (một) “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” số hiệu B263768, họ tên Võ Thị Kim T, đề ngày 29/9/2016 (ký hiệu A5).

- 01 (một) “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” số hiệu A01083682, họ tên Lê Châu Hải M, đề ngày 22/8/2012 (ký hiệu A6).

- 01 (một) “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” số hiệu 0236513, họ tên Trần Hoàng A, đề ngày 04/10/2000 (ký hiệu A7).

- 01 (một) “BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC” số hiệu B493926, cho Trần Văn M, đề ngày 05/6/1995 (ký hiệu A8).

- 01 (một) “CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN (Cấp lần thứ 2)” số chứng chỉ 130-TPHCM, cấp cho Dương Thị Phương T, đề ngày 29/5/2024 (ký hiệu A9).

- 01 (một) “CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN (Cấp lần thứ 2)” số chứng chỉ 124-TPHCM, cấp cho Đặng Thị Hà G, đề ngày 29/5/2024 (ký hiệu A10).

- 01 (một) “BẰNG KỸ SU”, họ tên Huỳnh Phước T, đề ngày 11/9/2024 (ký hiệu A11).

- 01 (một) con dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LK * Q. HĐ – T.P HÀ NỘI * S.Đ.K.H.Đ: 118 – C.T.H.D” kèm theo biên bản thu mẫu hình dấu tròn được đóng ra từ con dấu nêu trên (ký hiệu A12).

- 01 (một) con dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN A * QUẬN A T.P HỒ CHÍ MINH * S.Đ.K.H.Đ: 41020038 C.T.H.D” kèm theo biên bản thu mẫu hình dấu tròn được đóng ra từ con dấu nêu trên (ký hiệu A13).

Tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A11 đều là giả.

Hình dấu tròn được đóng ra từ con dấu gửi giám định ký hiệu A12 so với hình dấu tròn của Văn phòng công chứng L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng 1 con dấu đóng ra

Hình dấu tròn được đóng ra từ con dấu gửi giám định ký hiệu A13 so với hình dấu tròn của Văn phòng công chứng Quận A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng 1 con dấu đóng ra.”

Thu giữ tài liệu, đồ vật của Phạm Hùng M: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro Max màu xám, bên trong có gắn sim thuê bao số 0356069535, tình trạng đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus màu vàng, bên trong có gắn sim thuê bao số 0916620132, tình trạng đã qua sử dụng; 01 máy ép Plastic hiệu Laminator; 02 máy in màu nhãn hiệu Epson LS05; 01 CPU nhãn hiệu Lenovo (màu đen); 01 màn hình máy tính hiệu Philips Model: 271VB/74; 01 loa máy tính hiệu Soundmax SS202; 01 bàn phím nhãn hiệu DELL; 01 máy Photocopy hiệu Brother; Model: MEC-L27C; 20 cái bìa hồ sơ; 20 túi nylon để đóng gói cho khách; 06 lọ mực in màu đã qua sử dụng; 01 tập Fylon Plastic dùng để ép chứng chỉ, bằng (Khổ 220x310mm); 01 tập Fylon Plastic dùng để ép chứng chỉ, bằng (Khổ 160x220mm); 03 hộp mực máy

photocopy hiệu Brother (đã qua sử dụng); 01 dấu tròn, bên trên có chữ “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN A”; 01 dấu tròn, bên trên có chữ “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LK”, quận HĐ, Thành phố Hà Nội; 01 dấu chữ nhật có chữ: “ chứng thực bản sao đúng với bản chính”; 01 dấu tên có chữ “Công chứng viên Nguyễn Thế T”; 01 dấu tên có chữ “Công chứng viên Nguyễn Thị Nguyệt H”; 01 dấu chữ nhật có chữ: “ BẢN SAO”; 02 dấu ngày tháng; 01 dấu số chứng thực “03843 01”; 01 Kim kim loại dùng để dập dấu nổi dán kèm 02 dấu nổi có chữ “SỞ GIÁO DỤC”; 100 tem có chữ “Trường Đại học SP Thành phố Hồ Chí Minh; 01 bàn cắt giấy.

Thu giữ của Hà Văn Q: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu bên trong có gắn sim thuê bao số 0962312xxx.

Thu giữ của Nguyễn Minh Th: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 11, màu đen, loại bộ nhớ trong 128GB, có gắn sim số thuê bao 0982365xxx; 01 xe máy hiệu Air Blade màu đen bạc, biển số 81G1- 082.xx.

Thu giữ của Nguyễn Văn H3: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu trắng, bên trong có gắn sim thuê bao số 0973757xxx; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A70 màu đen, bên trong có gắn sim thuê bao số 0916969xxx và 0943903xxx; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, bên trong có gắn sim thuê bao số 0948207xxx: không ghi nhận nội dung, thông tin liên quan và 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade màu đỏ đen, biển số 79C1-569.xx, tình trạng đã qua sử dụng.

Thu giữ của Hà Văn H2: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu, bên trong có gắn sim thuê bao số 0962694xxx, tình trạng đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 màu đen; 4.500 tem phản quang dùng để dán bằng cấp giả.

Thu giữ của Nguyễn Trúc H: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 15 Pro Max, màu bạc, loại bộ nhớ trong 256GB, có gắn sim số thuê bao 0901487xxx, 0708856xxx.

Thu giữ của Trần T3: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Renos màu đen, bên trong có gắn sim thuê bao số 0934124xxx.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025;

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Hùng M, Hà Văn Q, Nguyễn Trúc H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025 xử phạt:

Phạm Hùng M 05 (Năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2024.

Hà Văn Q 05 (Năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 08/9/2024 đến ngày 29/9/2024.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025 xử phạt:

Nguyễn Trúc H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Minh Th, Nguyễn Văn H3, Hà Văn H2 xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2025, bị cáo Hà Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/8/2025, bị cáo Phạm Hùng M kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/8/2025 bị cáo Nguyễn Trúc H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên các bị cáo Phạm Hùng M, Hà Văn Q, Nguyễn Trúc H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội. Mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, tại phiên tòa các bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét. Do đó, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Hùng M, Hà Văn Q, Nguyễn Trúc H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Phạm Hùng M, Hà Văn Q trình bày: Thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố đối với các bị cáo. Các bị cáo M và Q đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo M đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, bị cáo Q sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp lại số tiền 30.000.000 đồng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q có ông ngoại tham gia kháng chiến, được tặng thưởng huân chương. Bị cáo M có ông nội và bác được tặng thưởng huân chương, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo M nộp thêm tình tiết bác của bị cáo là thương binh đây là các tình tiết chưa được cấp sơ thẩm xem xét theo quy định tại khoản 2

Điều 51 Bộ luật hình sự. Gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Phạm Hùng M, Hà Văn Q thống nhất với bào chữa của Luật sư không tranh luận bổ sung.

Bị cáo Nguyễn Trúc H không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Hùng M, Hà Văn Q, Nguyễn Trúc H trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, qua kiểm tra toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai các bị cáo xét thấy:

Hồ sơ vụ án thu thập được các tài liệu là hình ảnh chụp màn hình điện thoại của các bị cáo Nguyễn Trúc H (từ bút lục 251 đến 283), Nguyễn Minh Th (bút lục 298 đến 334, 372, 375-381, 432), Nguyễn Văn H3 (bút lục 443-639) với nội dung hình ảnh là tin nhắn của các bị cáo với các đối tượng đã thuê các bị cáo đi giao giấy tờ giả; tin nhắn trên các nhóm Telegram “Nhóm giao hàng tphcm”, “Mã vận đơn” mà các bị cáo tham gia để nhận đơn hàng là các văn bằng, chứng chỉ giả để đi giao cho người mua. Nội dung các tin nhắn thể hiện hình ảnh các giấy tờ giả và thông tin họ tên, số điện thoại, địa chỉ nhận hàng của những người đặt mua, mã vận đơn đối với những đơn gửi qua dịch vụ bưu chính. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa tiến hành xác minh, lấy lời khai những đối tượng mua giấy tờ giả này để làm rõ sau khi mua văn bằng, chứng chỉ giả của các bị cáo họ đã sử dụng các tài liệu giả này thực hiện hành vi trái pháp luật hay chưa để xem xét xử lý là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

Ngoài ra, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Hùng M, Hà Văn Q khai được đối tượng Hoàng A trả công 170.000 đồng/ 1 giấy tờ các bị cáo làm giả. Bị cáo Phạm Hùng M đã được trả số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo Hà Văn Q được trả 30.000.000 đồng; Hoàng A trả tiền cho M, Q bằng cách chuyển tiền qua các điểm chuyển tiền 24/7 để M mang mã QR đến

nhận tiền mặt. Như vậy, từ số tiền thu lợi và tiền công được trả trên 1 tài liệu giả có căn cứ để xác định số lượng văn bằng, chứng chỉ các bị cáo M, Q đã làm giả lớn hơn rất nhiều số lượng 24 giấy tờ giả là văn bằng, chứng chỉ mà cấp sơ thẩm đang truy tố, xét xử đối với các bị cáo. Bên cạnh đó, cơ quan điều tra cũng chưa tiến hành xác minh đối tượng thanh toán tiền công làm giấy tờ giả cho M, Q trong khi việc chuyển tiền được thực hiện qua dịch vụ chuyển tiền 24/7 như các bị cáo khai.

Trong vụ án này, các bị cáo là một tổ chức tội phạm hoạt động có sự cấu kết chặt chẽ, chuyên nghiệp có sự phân công từng công đoạn. Các đối tượng Hoàng A, Nguyễn M1, Tường V là các đối tượng đóng vai trò mắt xích quan trọng trong vụ án, chỉ đạo các bị cáo khác làm giấy tờ giả, vận chuyển giấy tờ giả cho người mua nên việc tách hành vi của các đối tượng này làm cho việc giải quyết vụ án không được toàn diện, triệt để, ảnh hưởng đến việc phân hóa vai trò và mức hình phạt của các bị cáo trong vụ án. Quá trình điều tra lại cần xác định tổng số tài liệu đã được làm giả là bao nhiêu, số tiền thu lợi bất chính của từng bị cáo; số đối tượng mua các tài liệu giả có bao nhiêu trường hợp đã sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật để xem xét giải quyết toàn diện vụ án.

Xét việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó, để giải quyết toàn diện vụ án Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 93/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Do hủy án nên không xem xét các yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Toà án cấp sơ thẩm xét xử vụ án trong phạm vi, giới hạn truy tố của Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh nên trường hợp này Toà án cấp sơ thẩm không có lỗi. Tuy nhiên, cũng lưu ý cấp sơ thẩm khi viết Bản án cần tuân thủ theo mẫu Bản án hình sự sơ thẩm quy định tại Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với số tiền thu lợi bất chính 30.000.000 đồng bị cáo Hà Văn Q nộp trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Do hủy án nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tiếp tục duy trì Lệnh tạm giam và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a, b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 93/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển đến Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

3. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Hùng M; tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Hà Văn Q, Nguyễn Trúc H cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng do bị cáo Hà Văn Q nộp để xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục chung (theo Biên lai thu tiền số 0007415 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND KVA – TP.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND KVA – TP.HCM; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- P THADS KVA – TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (3)
- Trại tạm giam; (1)
- Luật sư; (1)
- Công an TP. Hồ Chí Minh; (1)
- THAHS KVATP.HCM (3)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (26) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Lâm